

Bản án số: 15/2021/DS-ST  
Ngày 31 tháng 5 năm 2021  
V/v “Yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết

Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Ái Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc: “Yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283A/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 27 Trần Đình N, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (có mặt tại phiên tòa).

- ***Bị đơn:*** Công ty **TNNH F**; Trụ sở: Số 2 Phần L, phường An K, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tú Q, Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: 86/16 Phạm Nhữ X, phường Hòa Kh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (vắng mặt tại phiên tòa).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trần Thị Tú Q, sinh năm 1971; Địa chỉ: 86/16 Phạm Nhữ X, phường Hòa Kh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: 266-268 Nam K, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Hoàng Thành H, sinh năm 1989; Địa chỉ: 71 Trần Xuân S, phường Khuê Tr, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Hồ Minh G; Địa chỉ: 86/16 Phạm Nhữ X, phường Hòa Kh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo Đơn khởi kiện, các Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, Nguyên đơn - Ông Trần Quốc T trình bày:***

Nguyên trước đây, năm 2014, tôi là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH F. Để tiện cho việc di chuyển trong quá trình làm việc tại Công ty, tôi có ý định mua 01 chiếc xe ô tô. Tôi đã bán xe ô tô cũ của mình với giá 300.000.000đ và trao đổi với bà Trần Thị Tú Q là Giám đốc của Công ty TNHH F là đề nghị công ty đứng tên hộ và lấy tên công ty để vay tiền Ngân hàng. Công ty sẽ được lợi là nhận tiền hoàn thuế giá trị gia tăng 10% trên tổng số tiền tôi mua xe. Bà Q đồng ý và tất cả nhân viên công ty đều biết việc này.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH F đã ký kết Hợp đồng mua bán xe ô tô số 83-12-2014/HĐKT-TG với Công ty TNHH MTV Trường Hải – Đà Nẵng để mua 01 xe ô tô hiệu Mazda với giá 728.000.000đ. tôi đã bỏ ra 20.000.000đ để đặt cọc cho công ty và nhận xe. Ngày 12 tháng 01 năm 2015, tôi trực tiếp đến Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng làm Giấy đăng ký xe ô tô số 006106, nhãn hiệu Mazda, đứng tên Công ty TNHH F, biển số 43A-136.77 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015.

Vào các ngày 20, 21 tháng 01 năm 2015, Công ty TNHH F đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng với Chi nhánh Ngân hàng TMCP S – PGD Thanh Khê để vay số tiền 450.000.000đ, cộng với tiền tôi bán xe để có đủ 728.000.000đ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Trường Hải – Đà Nẵng, cụ thể:

- 450.000.000đ chuyển khoản trực tiếp từ Ngân hàng qua cho Công ty TNHH MTV Trường Hải – Đà Nẵng;

- 278.000.000đ tôi giao cho ông Hoàng Thành H lập thủ tục nộp vào tài khoản Công ty TNHH F để chuyển khoản cho Công ty TNHH MTV Trường Hải – Đà Nẵng.

Sau đó, Công ty TNHH MTV Trường Hải – Đà Nẵng chuyển khoản lại cho Công ty TNHH F 20.000.000đ.

Từ tháng 02 đến tháng 05 năm 2015 tôi phát hiện bà Trần Thị Tú Q có biểu hiện không minh bạch về tài chính, thường xuyên rút tiền từ tài khoản công ty để giải quyết việc cá nhân nên tôi đã phản đối và yêu cầu họp Hội đồng thành viên để giải quyết.

Tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 03 tháng 6 năm 2015 đã xác định (do ông Hoàng Thành H thư ký lập, có đầy đủ chữ ký của các thành viên góp vốn và bà Q đã ký tên, đóng dấu giám đốc Công ty TNHH F):

- Tôi bán lại phần vốn góp của mình cho bà Q với số tiền 864.678.000đ.

- Công ty đứng tên vay giúp tôi tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP S – PGD Thanh Khê số tiền 450.000.000đ để mua xe ô tô biển số 43A-136.77, tôi đã thanh toán được 37.500.000đ, còn lại là 412.500.000đ. Xe ô tô biển số 43A-136.77 là tài sản riêng của tôi và giải quyết số tiền này bằng cách cầm trả vào tiền bán phần vốn góp của tôi cho bà Q.

- Công ty và bà Q có trách nhiệm bàn giao cả vật xe ô tô biển số 43A-136.77, Giấy mua bán có công chứng và sang tên đổi chủ từ công ty sang cho tôi trước ngày 24 tháng 6 năm 2015.

- Thời hạn giao đầy đủ các giấy tờ nói trên tối đa 20 ngày kể từ ngày thống nhất.

- Công ty và bà Q có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi vay của Hợp đồng vay mua xe ô tô biển số 43A-136.77 kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2015,...

Thế nhưng sau đó, Công ty TNHH F và bà Q không thực hiện các nội dung như đã thỏa thuận tại Biên bản trên mà còn khởi kiện tôi ra trước Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng vào tháng 4 năm 2016 v/v tranh chấp “Đòi lại tài sản” là xe ô tô biển số 43A-136.77, yêu cầu tôi phải trả lại xe cho công ty. Kết quả giải quyết vụ án tại Bản án phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng là: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Đòi tài sản” của Công ty TNHH F v/v buộc ông Trần Quốc T phải trả lại cho Công ty TNHH F xe ô tô nhãn hiệu Mazda, màu sơn: trắng, số loại: 3 15G AT, số máy: P520248123, số khung: 4AA6EC011165, biển số đăng ký: 43A-136.77. Đồng thời, tại phần nhận định của bản án phúc thẩm xác định “Xe ô tô biển kiểm soát 43A-136.77 là tài sản riêng của ông T”.

Từ những trình bày trên, tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xem xét, giải quyết:

- Công nhận xe ô tô nhãn hiệu Mazda, màu sơn: trắng, số loại: 3 15G AT, số máy: P520248123, số khung: 4AA6EC011165, dung tích: 1496, biển số đăng ký: 43A-136.77 hiện đứng tên chủ xe Công ty TNHH F là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tôi: Trần Quốc T.

- Cho phép tôi được đến các cơ quan có thẩm quyền của TP Đà Nẵng để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên đứng tên tôi là Trần Quốc T.

**\* Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị, Bị đơn - Công ty TNHH F có bà Trần Thị Tú Q là người đại diện hợp pháp trình bày:**

Bản án phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng là: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Đòi tài sản” của Công ty TNHH F v/v buộc ông Trần Quốc T phải trả lại cho Công ty TNHH F xe ô tô biển số đăng ký: 43A-136.77.

Tôi đại diện cho Công ty TNHH F làm đơn giám đốc thẩm gửi lên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. trong lúc

chờ đợi, tôi đề nghị Toà án nhân dân quận Thanh Khê xem xét và dừng việc thụ lý vụ án cho đến khi nhận được kết quả trả lời của 02 cơ quan trên.

Theo tôi, việc kiện đòi công nhận tài sản xe ô tô biển số 43A-136.77 cho cá nhân ông Trần Quốc T là không đúng. Tiền nộp vào ngân hàng, tài khoản của Công ty TNHH F cho dù người nào nộp, chủ sở hữu chiếc xe vẫn là Công ty TNHH F và tôi không thay đổi điều này.

Về phía Ngân hàng TMCP S, tôi đề nghị không giải chấp giấy phép đăng ký xe cho bất kỳ ai nếu không có xác nhận của Giám đốc Công ty TNHH F.

\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Tú Q, Ngân hàng TMCP S, ông Hoàng Thành H, ông Hồ Minh G không có văn bản nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Công nhận xe ô tô con, nhãn hiệu Mazda, màu sơn: trắng, biển số đăng ký: 43A-136.77 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH F và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Tú Q, Ngân hàng TMCP S, ông Hoàng Thành H, ông Hồ Minh G đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự này cũng không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo nguyên đơn trình bày thì năm 2014, ông Trần Quốc T là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH F nên đã nhờ công ty đứng tên vay của Chi nhánh Ngân hàng TMCP S – PGD Thanh Khê để vay số tiền 450.000.000đ, cộng với tiền bán xe ô tô cũ của ông T để mua 01 xe ô tô hiệu Mazda với giá 728.000.000đ. Đồng thời, nhờ Công ty TNHH F đứng tên xe ô tô nói trên theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006106 của Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015, biển số 43A-136.77. Sau đó, do có mâu thuẫn trong công việc nên ông T đã rời khỏi Công ty TNHH F và thoả thuận bán lại phần vốn góp của mình cho bà Q; về số tiền công ty đứng tên vay giúp ông T để mua xe ô tô

biển số 43A-136.77 được căn trừ vào tiền bán phần vốn góp của ông T cho bà Q.

Tháng 4 năm 2016, Công ty TNHH F khởi kiện ông Trần Quốc T vụ án “Đòi tài sản” và kết quả giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân TP Đà Nẵng là: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH F v/v buộc ông Trần Quốc T phải trả lại xe ô tô biển số đăng ký: 43A-136.77.

Do vậy, nay ông T đã khởi kiện tại Toà án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng yêu cầu công nhận xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số đăng ký: 43A-136.77 hiện đứng tên chủ xe Công ty TNHH F là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T.

[3] Về phía bị đơn thì trình bày hiện nay Công ty TNHH F đang làm đơn giám đốc thẩm gửi lên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên đề nghị Toà án nhân dân quận Thanh Khê xem xét và dừng việc thụ lý vụ án cho đến khi nhận được kết quả trả lời của 02 cơ quan trên. Công ty TNHH F cho rằng việc kiện đòi công nhận tài sản xe ô tô biển số 43A-136.77 cho cá nhân ông Trần Quốc T là không đúng; chủ sở hữu chiếc xe vẫn là Công ty TNHH F.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng mua bán xe ô tô số 83-12-2014/HĐKT-TG ngày 24 tháng 12 năm 2014 có nội dung Công ty TNHH MTV Trường Hải – Đà Nẵng bán cho Công ty TNHH F 01 xe ô tô hiệu Mazda với giá 728.000.000đ; Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1501900276 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ký ngày 20, 21 tháng 01 năm 2015 có nội dung: Chi nhánh Ngân hàng TMCP S – PGD Thanh Khê cho Công ty TNHH F vay số tiền 450.000.000đ để đầu tư phương tiện vận chuyển, thời hạn vay 48 tháng, tài sản bảo đảm là chính xe ô tô 43A-136.77 đứng tên công ty. Về mặt pháp lý, hiện nay xe ô tô 43A-136.77 là thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH F.

[5] Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ sau đây lại chứng minh được xe ô tô 43A-136.77 thực chất là tài sản riêng của ông Trần Quốc T nhưng nhờ Công ty TNHH F đứng tên trên các Hợp đồng mua bán xe, Hợp đồng vay tiền với Ngân hàng, Giấy chứng nhận đăng ký, bao gồm:

**Thứ nhất**, “Sổ theo dõi vốn đầu tư cổ đông” của Công ty TNHH F (có Giám đốc công ty – bà Trần Thị Tú Q ký tên, đóng dấu) lập ngày 01 tháng 6 năm 2015 có nội dung:

*“1. Tổng tiền vay thế chấp Cavet xe ô tô 43A-13677 (xe ông T nhờ công ty đứng tên): 450.000.000đ.*

*2. Tổng số tiền gốc ông T đã thanh toán cho Ngân hàng đến hết T5/2015: 37.500.000đ.”*

**Thứ hai**, “Biên bản họp Hội đồng thành viên” của Công ty TNHH F lập ngày 03 tháng 6 năm 2015 (do ông Hoàng Thành H lập, có đầy đủ chữ ký của

các thành viên góp vốn và bà Q đã ký tên, đóng dấu giám đốc Công ty TNHH F) thống nhất nhiều vấn đề liên quan đến xe ô tô 43A-136.77, trong đó có nội dung:

*“Cá nhân ông T đang vay tại Ngân hàng Sacombank-CN Đà Nẵng số tiền là 412.500.000 VNĐ hợp đồng vay số LD1501900276 (số tiền này đã trừ số tiền lãi vay và tiền gốc từ T2/2015 đến hết T5/2015), vay vào mục đích mua xe ô tô biển số 43A-136.77. Xe ô tô biển số kiểm soát 43A-136.77 là tài sản riêng của cá nhân ông T, nhưng nhờ công ty đứng tên trên cả vệt xe.”*

**Thứ ba,** các Giấy nộp tiền của ông Trần Quốc T vào Ngân hàng TMCP S từ ngày 29 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2018 – là khoảng thời gian sau khi Công ty TNHH F đã khởi kiện tranh chấp đòi tài sản là xe ô tô trên với ông Trần Quốc T.

Như vậy, Công ty TNHH F đã thừa nhận xe ô tô 43A-136.77 là tài sản riêng của ông Trần Quốc T, Công ty chỉ đứng tên hộ. Đồng thời cũng có cơ sở để xác định tiền thanh toán cho toàn bộ khoản nợ vay Ngân hàng để mua xe là hoàn toàn tiền riêng của ông T nộp.

**Thứ tư,** Bản án phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Đòi tài sản” của Công ty TNHH F v/v buộc ông Trần Quốc T phải trả lại xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số đăng ký: 43A-136.77.

**Thứ năm,** việc bị đơn trình bày đang làm đơn giám đốc thẩm gửi lên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét và dừng việc thụ lý vụ án cho đến khi nhận được kết quả trả lời của 02 cơ quan trên thì Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đã tiến hành xác minh lần cuối cùng vào ngày 16 tháng 11 năm 2020 được biết: Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của Công ty TNHH F đối với Bản án phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng như sau thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hướng dẫn Công ty TNHH F liên hệ với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để được giải quyết và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có Thông báo về việc không kháng nghị giám đốc thẩm.

[6] Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xác định: Xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, biển số đăng ký: 43A-136.77 là tài sản riêng của ông Trần Quốc T nhưng nhờ Công ty TNHH F đứng tên hộ. Do đó, nguyên đơn - ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu đối với xe ô tô nói trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ngân hàng TMCP S – PGD Thanh Khê có Giấy xác nhận gửi Công ty TNHH F: *“Đã trả và tất toán toàn bộ dư nợ vay theo các hợp đồng đã ký kết tính đến ngày 18 tháng 11 năm 2020.”* Khoản nợ vay đã thanh toán hết nên Ngân hàng phải hoàn trả giấy tờ của tài sản đảm bảo lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Quốc T.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - Công ty TNHH F phải chịu án phí đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 163, 166, 221, 223, 317, 322 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện v/v “Yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản” của ông Trần Quốc T đối với Công ty TNHH F.

Công nhận xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, màu sơn: trắng, biển số đăng ký: 43A-136.77, số máy: P520248123, số khung: 4AA6EC011165, số loại: 3 15G AT, dung tích: 1496 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006106 của Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015 cho Công ty TNHH F là thuộc quyền sở hữu riêng của ông Trần Quốc T.

Ngân hàng TMCP S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006106 của Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015 cho chủ sở hữu là ông Trần Quốc T.

Ông Trần Quốc T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

**2.** Án phí Dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH F phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Quốc T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007670 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

#### **3. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**